

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2019

“*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh

2. Bà Võ Thị Trúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung, kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Ngọc B, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị B có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số nhà 113 Q, Tổ N (Nay là Tổ H), phường A, Thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Ngô Thị Ngọc B trình bày: Tôi (Ngô Thị Ngọc B) và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, Thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 21/12/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với nhau ở An Khê một thời gian và hành phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T không lo làm ăn chăm lo gia đình mà bỏ bê vợ con, ham chơi không đảm bảo được cuộc sống cho gia đình. Tôi nhiều lần khuyên can nhưng anh T không nghe, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và tôi đã về nhà cha mẹ tôi tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai sinh sống nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tôi đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó, được gia đình khuyên nhủ và tôi đã rút

đơn về đoàn tụ với anh T nhưng cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc, hiện nay chung tôi đã không còn sống chung với nhau nữa nên tôi tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T để tôi ổn định cuộc sống, nuôi con.

Về con chung: Chị B và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngô Nhã Đ, sinh ngày 10/11/2011. Hiện nay Chị B đang nuôi dưỡng nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung và nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T có lời khai trong hồ sơ như sau: Anh T và chị Ngô Thị Ngọc B tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, Thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 21/12/2010 như Chị B trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn và hay cãi nhau, hiện nay anh T và Chị B đã ly thân nhau. Mặc dù không còn chung sống với nhau nhưng anh T không muốn ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và Chị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngô Nhã Đ, sinh ngày 10/11/2011 hiện nay Chị B đang nuôi dưỡng như Chị B trình bày. Anh T cho rằng rất thương con nên không đồng ý giao con cho Chị B nuôi mà cũng yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu Chị B cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân Thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã A đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T và giao con chung là cháu Nguyễn Ngô Nhã Đ, sinh ngày 10/11/2011 cho chị Ngô Thị Ngọc B nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa Chị B không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc Chị B phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Ngô Thị Ngọc B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ số nhà 113 Q, Tổ N (Nay là Tổ H), phường A, Thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Tại phiên tòa mặc dù bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì thế theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Ngọc B và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa Chị B và anh T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống Chị B và anh T có phát sinh mâu thuẫn nên Chị B đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Trong lời khai anh T khai rằng không muốn ly hôn nhưng anh T không có ý kiến gì về việc được đoàn tụ tiếp tục chung sống với Chị B để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà bỏ mặc. Hơn nữa, giữa Chị B và anh T đã không còn sống chung với nhau nhưng giữa Chị B và anh T không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Chị B cho rằng tình cảm giữa Chị B và anh T không còn nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong các phiên tòa anh T điều vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với Chị B nữa. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị B, anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Ngọc B là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị B, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngô Nhã Đ, sinh ngày 10/11/2011, hiện nay đang sống với Chị B.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Chị B và anh T đều yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu người không nuôi con cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, về điều kiện nuôi con giữa anh T và Chị B đều có điều kiện để nuôi con và đảm bảo cuộc sống của con nhưng hiện nay cháu Nguyễn Ngô Nhã Đ đang được Chị B nuôi dưỡng, cuộc sống và sinh hoạt, học tập được phát triển bình thường. Vì vậy, không nên làm đảo lộn cuộc sống, học tập, sinh hoạt của cháu Nhã Đ, hơn nữa cháu Đan có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của Chị B, giao cháu Nguyễn Ngô Nhã Đ, sinh ngày 10/11/2011 cho Chị B nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa Chị B trình bày chị có việc làm, có thu nhập đảm bảo được cuộc sống của con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị B, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Ngọc B;

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Ngô Thị Ngọc B nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Ngô Nhã Đ, sinh ngày 10/11/2011 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc chị Ngô Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007279 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã A. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND Thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường A, TX. A
(đề ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn